

DANH SÁCH CÔNG KHAI
Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký đất đai tại thôn Kim Quán
(Kèm theo thông báo số: 1329/TB-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Đình Lập)

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	Hoàng Thị Huê		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	151	117.6	1984	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1984	Không có	
2	Hoàng Thị Huê		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	152	1520.5	1984	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1984	Không có	
3	Phương Thị Dung		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	149	1549.2	2005	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2005	Không có	
4	Phương Thị Dung		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	63	417.4	2005	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2005	Không có	
5	Phương Thị Dung		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	59	1155.5	2005	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2005	Không có	
6	Vi Văn Vĩnh	Bé Thị Thế	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	22	360.3	2005	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2005	Không có	Phù hợp với QHSD đất
7	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	135	530	1994	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1994	Không có	
8	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	25	135.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
9	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	26	225	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
10	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	43	75	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
11	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	44	145.6	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
12	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	45	93.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
13	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	46	150.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
14	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	47	177.4	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
15	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	48	233.4	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
16	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	49	132.1	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
17	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	60	177.7	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
18	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	62	58.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
19	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	63	58.3	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
20	Bé Thị Tiếp		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	76	976.2	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại,	2002	Không có	
21	Chu Thị Chiên		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	193	363.9	1974	Gia đình khai phá	Đất trồng cây lâu	1974	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
22	Vi Thị Vượng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	133	493.4	1990	Gia đình khai phá	Đất trồng cây hằng	1990	Không có	
23	Vi Văn Trường	Hoàng Thị Liên	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	187	246	166	411.6	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
24	Dương Thị Sin	Vy Công Sự	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	291	338.1	1960	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1960	Không có	
25	Lý Văn Ty	Hoàng Thị Nghiêm	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	187	246	59	1201.4	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1989	Không có	
26	Lý Văn Ty	Hoàng Thị Nghiêm	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	187	246	104	1432	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1989	Không có	
27	Lý Văn Ty	Hoàng Thị Nghiêm	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	187	246	134	1039.9	1989	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1989	Không có	
28	Lưu Văn Bao	Nông Thị Ngọc	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	204	263	62	1032.5	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
29	Hoàng Văn Hiến	Nông Bích Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	109	354	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
30	Đặng Thị Hiếu	Đặng Văn Lộc	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	15	1353.83	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
31	Nguyễn Văn Trung	Trần Thị Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	187	307.1	1992	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1992	Không có	
32	Nguyễn Văn Trung	Trần Thị Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	2	551.3	1992	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1992	Không có	
33	Nguyễn Văn Trung	Trần Thị Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	3	190.3	1992	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1992	Không có	
34	Nguyễn Văn Trung	Trần Thị Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	4	593.8	1992	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1992	Không có	
35	Nguyễn Văn Trung	Trần Thị Thiết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	1	606.9	2009	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	2009	Không có	
36	Đặng Văn Sáu	Lý Thị Hà	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	43	321.2	2013	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2013	Không có	
37	Lý Văn Ngọc	Hoàng Thị Huệ	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	173	232	37	728.1	1993	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1993	Không có	
38	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	23	623.9	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
39	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	24	76.7	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
40	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	36	635.3	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
41	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	37	364.6	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
42	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	50	544.7	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
43	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	6	276.4	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
44	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	79	486.2	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
45	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	80	370.9	1986	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1986	Không có	
46	Vi Công Định	Nông Thị Thùy	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	87	733.5	1986	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
47	Lý Đình Long	Nguyễn Thị Hằng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	38	314	2010	Gia đình khai phá	Đất ở tại nông thôn	2010	Không có	Phù hợp với QHSD đất
48	Đặng Văn Quyền	Chu Thị Nguyệt	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	142	74.1	2009	Nhận chuyển	Đất bằng trồng cây	2009	Không có	
49	Đặng Văn Quyền	Chu Thị Nguyệt	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	201	2461	2009	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2009	Không có	
50	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	17	688.9	2005	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2005	Không có	
51	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	30	622.1	2005	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2005	Không có	
52	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	44	593.7	2005	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2005	Không có	
53	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	107	182.2	2005	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2005	Không có	
54	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	96	476.6	2005	Nhận chuyển	Đất trồng lúa còn lại	2005	Không có	
55	Đình Văn Tiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	97	1283.9	2005	Nhận chuyển	Đất bằng trồng cây	2005	Không có	
56	Đặng Xuân Tùng	Vi Thị Hằng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	59	800.8	2010	Gia đình khai phá	Đất ở tại nông thôn	2010	Không có	Phù hợp với QHSD đất
57	Đặng Xuân Tùng	Vi Thị Hằng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	50	153.3	2002	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	2002	Không có	
58	Đàm Thị Vui	Hoàng Văn Dũng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	130	134.6	2010	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2010	Không có	Phù hợp với QHSD đất
59	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	243	247.6	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
60	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	245	696.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
61	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	11	190.1	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
62	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	12	603.6	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
63	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	13	694.1	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
64	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	183	242	22	467	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
65	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	146	479.1	2002	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2002	Không có	
66	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	147	504.9	2002	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2002	Không có	
67	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiều	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	153	237.3	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
68	Hoàng Thị Yên	Nông Văn Chiêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	161	198.5	2002	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2002	Không có	
69	Vi Văn Chung	Nông Thị Khởi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	282	179.4	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
70	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	158	217	113	1249.5	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
71	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	158	217	118	1142.9	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
72	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	158	217	97	1668.7	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
73	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	158	217	98	1001.6	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
74	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	162	357.1	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
75	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	253	627.1	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2000	Không có	
76	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	13	308	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
77	Nông Văn Đường	Hoàng Thị Ngón	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	15	143.9	2000	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	2000	Không có	
78	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	65	1636.8	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
79	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	76	372.4	1985	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1985	Không có	
80	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	21	308.1	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
81	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	36	145	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
82	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	37	162.4	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
83	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	38	344.3	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
84	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	40	757.7	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
85	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	41	1595.2	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
86	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	46	57.6	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
87	Lý Thị Hưng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	2	647.3	1985	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
88	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	161	220	1	45.5	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
89	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	161	220	3	98.2	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
90	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	19	533.3	1985	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	1985	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
91	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	27	1209.2	1985	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	1985	Không có	
92	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	7	1345.5	1985	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	1985	Không có	
93	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	193	540.6	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1985	Không có	
94	Nguyễn Thị Kim		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	77	419.6	1985	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1985	Không có	Phù hợp với QHSD đất
95	Nông Thị Hồng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	153	212	36	120.3	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
96	Nông Thị Hồng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	153	212	37	58.2	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
97	Nông Thị Hồng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	153	212	41	59	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
98	Nông Thị Hồng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	153	212	43	63.1	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
99	Nông Thị Hồng		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	248	632.1	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1990	Không có	
100	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	111	800.1	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
101	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	134	254.7	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
102	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	59	181.8	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
103	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	69	617.8	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
104	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	70	270.1	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
105	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	72	294.5	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
106	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	74	174.3	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
107	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	75	130.6	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
108	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	76	124.2	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
109	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	81	91.9	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
110	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	84	564.4	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
111	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	86	400	2000	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2000	Không có	Phù hợp với QHSD đất
112	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	88	327.2	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
113	Mai Bích Ngoan	Đặng Văn Tuấn	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	98	630.4	2000	Nhận tặng cho	Đất nuôi trồng thủy	2000	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
114	Nông Văn Mẫn	Vi Thị Vân	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	201	260	29	719.8	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
115	Nông Văn Mẫn	Vi Thị Vân	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	201	260	43	1454.1	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
116	Lãnh Văn Thanh		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	30	172.2	2000	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	2000	Không có	
117	Lãnh Văn Thanh		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	35	309.2	2000	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	2000	Không có	
118	Lãnh Văn Thanh		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	42	276.6	2000	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	2000	Không có	
119	Lãnh Văn Thanh		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	44	247.8	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
120	Lãnh Văn Thanh		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	53	53.5	2000	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2000	Không có	
121	Vi Văn Khoảng	Hoàng Thị Phượng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	126	691.2	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
122	Vi Văn Khoảng	Hoàng Thị Phượng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	129	164.4	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
123	Đình Văn Đại	Sầm Thị Hiền	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	172	417.3	2002	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2002	Không có	Phù hợp với QHSD đất
124	Đình Văn Đại	Sầm Thị Hiền	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	183	276.3	2002	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm	2002	Không có	
125	Đình Văn Đại	Sầm Thị Hiền	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	184	405.6	2002	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2002	Không có	
126	Đình Văn Đại	Sầm Thị Hiền	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	198	342.8	2002	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2002	Không có	
127	Chu Thị Sen	Đặng Văn Dũng	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	194	852.5	1981	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1981	Không có	
128	Bế Thị Bích		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	60	288.2	1998	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1998	Không có	Phù hợp với QHSD đất
129	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	48	91.2	1973	Gia đình khai phá	Đất nuôi trồng thủy	1973	Không có	
130	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	69	938.3	1973	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1973	Không có	
131	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	79	881.7	1973	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1973	Không có	
132	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	87	378.5	1973	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1973	Không có	
133	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	88	772.6	1973	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1973	Không có	
134	Hoàng Thị Sửu	Vi Văn Nơi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	89	217.6	1973	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1973	Không có	
135	Bế Thị Nhung	Mã Văn Phán	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	172	480	1985	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1985	Không có	Phù hợp với QHSD đất

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
136	Bê Thị Nhung	Mã Văn Phán	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	196	724.8	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
137	Bê Thị Nhung	Mã Văn Phán	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	244	304.3	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1985	Không có	
138	Bê Thị Phong		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	72	1069.6	1982	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1982	Không có	Phù hợp với QHSD đất
139	Đình Quang Hùng	Nông Thị Phần	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	217	270.8	1998	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1998	Không có	Phù hợp với QHSD đất
140	Chu Thị Dung		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	109	106.4	1989	Nhận tặng cho	Đất nuôi trồng thủy	1989	Không có	
141	Nông Thị Tường		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	158	217	45	400.2	1992	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1992	Không có	
142	Lý Thế Ngọc	Sầm Thị Dung	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	200	374.6	1986	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1986	Không có	Phù hợp với QHSD đất
143	Lý Thế Ngọc	Sầm Thị Dung	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	234	177.3	1986	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1986	Không có	
144	Lý Thế Ngọc	Sầm Thị Dung	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	286	186.7	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1986	Không có	
145	Lý Thế Ngọc	Sầm Thị Dung	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	201	260	103	1278.7	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1986	Không có	
146	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	161	220	29	848.1	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
147	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	161	220	32	1043.6	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
148	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	161	220	38	74.8	1980	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1980	Không có	
149	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	13	111.8	1980	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1980	Không có	
150	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	20	347.4	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
151	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	21	617.9	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
152	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	23	101.4	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
153	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	27	356.3	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
154	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	32	152.4	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
155	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	33	122.4	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1980	Không có	
156	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	37	68.6	1980	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1980	Không có	
157	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	186	843	1980	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1980	Không có	
158	Vi Xuân Ván	Hoàng Thị Miêu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	185	244	42	767.4	1980	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1980	Không có	Phù hợp với QHSD đất

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
159	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	135	327.3	1982	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1982	Không có	
160	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	144	100.4	1982	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1982	Không có	
161	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	160	219	145	45.3	1982	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1982	Không có	
162	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	22	886.6	1982	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	1982	Không có	
163	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	3	66.4	1982	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1982	Không có	
164	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	5	1230.7	1982	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng	1982	Không có	
165	Sái Thị Nhâm	Bế Văn Tài	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	62	553.5	1982	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1982	Không có	Phù hợp với QHSD đất
166	Vi Văn Chung	Nông Thị Khởi	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	75	1777.5	1998	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1998	Không có	
167	Nguyễn Văn Nam	Đặng Thị Luyến	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	149	321.9	2004	Nhận chuyển	Đất trồng cây lâu	2004	Không có	
168	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	177	136.7	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
169	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	171	230	178	104.8	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1985	Không có	
170	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	173	232	85	149.5	1985	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1985	Không có	
171	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	173	232	86	574.7	1985	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1985	Không có	
172	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	173	232	87	214.6	1985	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1985	Không có	
173	Nguyễn Văn Tý	Hoàng Thị Hạnh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	173	232	88	234.6	1985	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1985	Không có	
174	Sầm Thị Xanh	Đặng Văn Thái	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	20	363.5	1994	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1994	Không có	Phù hợp với QHSD đất
175	Sầm Thị Xanh	Đặng Văn Thái	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	170	229	42	557.8	1994	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1994	Không có	
176	Vi Thị Hiệu	Đặng Văn Linh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	229	374.3	1990	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
177	Vi Thị Hiệu	Đặng Văn Linh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	159	218	234	105.9	1990	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
178	Vy Viết Mạnh	Trần Thị Thoa	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	76	2090	2010	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2010	Không có	
179	Vy Viết Mạnh	Trần Thị Thoa	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	172	231	84	1423.8	2010	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2010	Không có	
180	Nông Thanh Khoa	Bế Thị Phương	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	91	377.7	2014	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2014	Không có	Phù hợp với QHSD đất
181	Vi Văn Bay		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	128	605,5	1998	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1998	Không có	Phù hợp với QHSD đất

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
182	Nông Văn Bảy		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	179	417,2	1998	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1998	Không có	Phù hợp với QHSD đất
183	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	102	199	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
184	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	112	232,4	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
185	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	20	727,3	1990	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	1990	Không có	Phù hợp với QHSD đất
186	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	23	86,5	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
187	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	41	243,8	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
188	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	7	448,6	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	1990	Không có	
189	Vi Văn Kiên	Sái Thị Thanh	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	232	291	2	385,6	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
190	Hoàng Văn Điện	Nông Thị Thành	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	140	558,1	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
191	Hoàng Văn Điện	Nông Thị Thành	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	142	42,3	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	
192	Hoàng Văn Điện	Nông Thị Thành	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	84	67,7	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
193	Hoàng Văn Điện	Nông Thị Thành	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	85	22,7	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
194	Hoàng Văn Điện	Nông Thị Thành	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	217	276	107	268	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây hằng	1990	Không có	
195	Vi Xuân Quang		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	103	654,3	2002	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2002	Không có	Phù hợp với QHSD đất
196	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	141	359,3	2015	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2015	Không có	
197	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	162	160,5	2015	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2015	Không có	
198	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	203	139	2015	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2015	Không có	
199	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	140	2390,8	2015	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2015	Không có	
200	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	17	470,8	2015	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2015	Không có	
201	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	45	135,3	2015	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	2015	Không có	
202	Hoàng Văn Thanh	Vương Thị Cường	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	46	137,5	2015	Nhận tặng cho	Đất nuôi trồng thủy	2015	Không có	
203	Bế Thị Vang	Trương Văn Nam	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	83	195,3	1991	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1991	Không có	
204	Hoàng Minh Thu	Hoàng Thanh Hỷ	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	67	159,9	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây	1990	Không có	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
205	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	24	132,8	1983	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
206	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	25	130,6	1983	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
207	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	26	65,4	1983	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
208	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	27	18,7	1983	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
209	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	200	259	44	452,4	1983	Gia đình khai phá	Đất trồng lúa còn lại	1983	Không có	
210	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	217	276	37	130,9	1983	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1983	Không có	
211	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	217	276	72	225,7	1983	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1983	Không có	
212	Hoàng Văn Đông	Sầm Thị Bông	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	217	276	79	228,4	1983	Gia đình khai phá	Đất bằng trồng cây	1983	Không có	
213	Vi Văn Thành	Hoàng Thị Mỹ	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	190	515,1	2008	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2008	Không có	
214	Vi Văn Thành	Hoàng Thị Mỹ	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	3	499,4	2009	Nhận tặng cho	Đất ở tại nông thôn	2009	Không có	Phù hợp với QHSD đất
215	Hoàng Thị Bông	Vy Văn Tàu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	126	2208,7	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2000	Không có	
216	Hoàng Thị Bông	Vy Văn Tàu	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	218	277	157	1795,5	2000	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	2000	Không có	
217	Nông Văn Thiệu	Lâm Thu Quyết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	60	437	2008	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu	2008	Không có	
218	Nông Văn Thiệu	Lâm Thu Quyết	Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	203	262	61	354,6	2008	Nhận tặng cho	Đất nuôi trồng thủy	2008	Không có	
219	Hoàng Văn Hiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	142	1428,5	2017	Nhận chuyển	Đất trồng cây lâu	2017	Không có	
220	Hoàng Văn Hiến		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	186	245	147	240,2	2017	Nhận chuyển	Đất trồng cây lâu	2017		
221	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	16	59,7	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990	Không có	
222	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	17	41,5	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
223	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	18	343	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
224	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	19	139,7	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
225	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	20	58,2	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
226	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	21	70,4	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
227	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	22	85,9	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Họ tên vợ/ chồng	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất		Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
228	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	138	103,3	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây hàng	1990		
229	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	202	261	180	375	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây hàng	1990		
230	Nông Văn Đức		Thôn Kim Quán	Thôn Kim Quán	199	258	23	42,9	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại	1990		
Tổng: 230 thửa đất, 64 chủ sử dụng đất														

Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày **12/8/2026**, đến ngày **26/8/2026**, Tại địa điểm: Nhà văn hoá thôn Kim Quán và Trụ sở UBND xã Đình Lập để giải quyết; sau thời gian trên sẽ không xem xét giải quyết.
Người không đồng ý với kết quả kiểm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã Đình Lập để giải quyết;

Hoàng Thị Huê
Phương Thị Dung
Vi Văn Vĩnh
Bê Thị Tiếp
Chu Thị Chiên
Vi Thị Vượng
Vi Văn Trường
Dương Thị Sinh
Lý Văn Ty
Lưu Văn Bao
Hoàng Văn Hiển
Đặng Thị Hiếu
Nguyễn Văn Trung
Đặng Văn Sáu
Lý Văn Ngọ
Vi Công Định
Lý Đình Long
Đặng Văn Quyền
Đinh Văn Tiến
Đặng Xuân Tùng
Đàm Thị Vui
Hoàng Thị Yên
Vi Văn Chung
Nông Văn Đường
Nông Văn Đường
Lý Thị Hưng
Nguyễn Thị Kim
Nông Thị Hồng

Mai Bích Ngoan
Nông Văn Mân
Lành Văn Thanh
Vi Văn Khoảng
Đinh Văn Đại
Chu Thị Sen
Bê Thị Bích
Hoàng Thị Sứ
Bê Thị Nhưng
Bê Thị Phong
Đinh Quang Hùng
Chu Thị Dung
Nông Thị Tường
Lý Thế Ngọc
Vi Xuân Vấn
Sái Thị Nhâm
Vi Văn Chung
Nguyễn Văn Nam
Nguyễn Văn Tý
Sầm Thị Xanh
Vi Thị Hiệu
Vy Viết Mạnh
Nông Thanh Khoa
Vi Văn Bay
Nông Văn Bấy
Vi Văn Kiên
Hoàng Văn Điện
Vi Xuân Quang

Hoàng Văn Thanh
Bê Thị Vang
Hoàng Minh Thu
Hoàng Văn Đông
Vi Văn Thành
Hoàng Thị Bông
Nông Văn Thiệu
Nông Văn Đức